

CÔNG TY TNHH RIKAGAKU VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RIKAGAKU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RIKAGAKU VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RIKAGAKU VIETNAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108024817

3. Ngày thành lập: 16/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

NV 5 - 34, Khu Đô thị Tổng cục 5 Bộ Công An, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934 571 348

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
2.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
3.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
4.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch;	7490
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
10.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
11.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
12.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
13.	In ấn	1811
14.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
15.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

17.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
18.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
19.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Dạy nghề	8532
20.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
21.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
22.	Đại lý du lịch	7911
23.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
24.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Giáo dục tiểu học	8520
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
34.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý	4610
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
44.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
46.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
47.	Quảng cáo	7310
48.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

49.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng	6190
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
52.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
53.	Giáo dục mầm non	8510
54.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
55.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
56.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra)	7320
58.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
59.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	Số nhà 221, tổ 12, khu 1B, Phường Cao Thắng, Thành phố Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	101091263	
2	ĐỖ THỊ NGỌC	Số 6 ngõ 50 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	001185002476	

3	ĐỖ VIỆT MẠNH	Số 6 ngõ 50 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	001083002457	
---	--------------	---	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ VIỆT MẠNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/05/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001083002457*

Ngày cấp: *24/06/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 ngõ 50 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 ngõ 50 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*